



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo soát xét	5
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2013	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	13 - 33



BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á – Thái Bình Dương trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được soát xét bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á – Thái Bình Dương (công ty mẹ) và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

Khái quát về Tập đoàn

Công ty mẹ

Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á – Thái Bình Dương là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0103013346 ngày 31 tháng 7 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp bổ sung 10 lần Đăng ký kinh doanh thay đổi.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 10: 264.000.000.000 VND

Trụ sở chính

Địa chỉ : Tầng 6 tòa nhà APEC, 14 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
Điện thoại : 043.577 1983
Fax : 043.577 1985

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là :

- Dịch vụ tư vấn trong và ngoài nước (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tư vấn tài chính);
- Tư vấn, môi giới, kinh doanh Bất động sản (Không bao gồm tư vấn về giá đất);
- Tư vấn về quản lý kinh doanh, chiến lược kinh doanh;
- Nghiên cứu, phân tích thị trường;
- Tư vấn mua, bán, sáp nhập doanh nghiệp, cổ phần hóa (Không bao gồm tư vấn luật, tài chính)
- Tư vấn lập và quản lý dự án đầu tư (Không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình, tư vấn pháp luật, tài chính);
- Dịch vụ môi giới xúc tiến thương mại;
- Dịch vụ tổ chức sự kiện, hội nghị, hội thảo, triển lãm;
- Dịch vụ quan hệ công chúng;
- Quảng cáo thương mại và phi thương mại;
- Dịch vụ đánh giá hiệu quả kinh tế dự án;
- Dịch vụ cầm đồ;
- Dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu;
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa;
- Đại lý bảo hiểm;
- Xây dựng dân dụng, giao thông thủy lợi;
- Lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế và các dịch vụ phục vụ khách du lịch; kinh doanh khách sạn; kinh doanh nhà hàng và dịch vụ ăn uống, giải khát (không bao gồm kinh doanh quán Bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Đại lý bán vé máy bay, vé tàu hỏa, vé xe Bus, tour du lịch;
- Vận tải hàng hóa, vận chuyển hành khách bằng ô tô theo hợp đồng và theo tuyến cố định;
- Sản xuất mua bán, khai thác, chế biến và vận tải các loại khoáng sản (trừ những loại khoáng sản nhà nước cấm);

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Bốc xúc đất đá và khai thác mỏ (theo quy định của pháp luật hiện hành);
- Xây dựng, khai thác cảng biển, cảng sông, cảng hàng không.

Các công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ sở hữu
Công ty TNHH MTV Châu Á Thái Bình Dương Bắc Ninh	Khu Thanh Sơn, phường Vũ Ninh, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	100%
Công ty Cổ phần Đầu tư APEC Thái Nguyên	Khu Công nghiệp Diêm Thụy, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên	84%
Công ty Cổ phần Đầu tư APEC Land Huế	30 Lê Lợi, phường Phú Nhuận, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế	55%
Công ty Cổ phần Đầu tư APEC Hà Nam	Tầng 3 nhà 205, đường Lê Hoàn, phường Quang Trung, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam	99%

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính hợp nhất tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Tập đoàn được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 33).

Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á – Thái Bình Dương khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 30 tháng 6 năm 2013 cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á – Thái Bình Dương trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Đỗ Lăng	Chủ tịch	31 tháng 7 năm 2006	
Ông Nguyễn Duy Khanh	Thành viên	31 tháng 7 năm 2006	
Bà Huỳnh Thị Mai Dung	Thành viên	31 tháng 7 năm 2006	
Ông Đặng Anh Tuấn	Thành viên	28 tháng 5 năm 2010	
Ông Trần Việt Hùng	Thành viên	19 tháng 6 năm 2011	02 tháng 6 năm 2013
Ông Trần Vũ Phương	Thành viên	02 tháng 6 năm 2013	

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Lã Thị Quy	Trưởng ban	18 tháng 6 năm 2010	
Bà Phạm Hoài Phương	Thành viên	18 tháng 6 năm 2010	
Bà Nguyễn Hoài Giang	Thành viên	18 tháng 6 năm 2010	01 tháng 4 năm 2013
Bà Vũ Thị Phương Anh	Thành viên	01 tháng 4 năm 2013	

Tổng Giám đốc

Họ và tên	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Duy Khanh	15 tháng 6 năm 2007

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Xác nhận của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á – Thái Bình Dương tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Tổng Giám đốc



Nguyễn Duy Khanh

Ngày 29 tháng 8 năm 2013



Số: 356/2013/BCTC-KTTV-KT2

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á – Thái Bình Dương và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn) gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, được lập ngày 29 tháng 8 năm 2013, từ trang 06 đến trang 33 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á - Thái Bình Dương. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của các công ty trong Tập đoàn và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Không phủ nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi muốn lưu ý người đọc rằng các khoản đầu tư vào công ty liên kết chưa được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ do Công ty chưa nhận được báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty liên kết này.

Giám đốc



Nguyễn Hoàng Đức

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0368-2013-008-01
Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2013

Kiểm toán viên

Nguyễn Ngọc Tuyên

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1269-2013-008-01



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á - THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 6 tòa nhà APEC, 14 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỒI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		155.820.785.912	129.177.366.192
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	54.916.283.015	39.410.911.320
1. Tiền	111		5.670.491.905	1.472.676.693
2. Các khoản tương đương tiền	112		49.245.791.110	37.938.234.627
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		17.294.574.800	17.368.428.100
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	20.110.622.000	20.110.622.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	V.3	(2.816.047.200)	(2.742.193.900)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		65.800.253.707	55.727.499.865
1. Phải thu khách hàng	131	V.4	213.477.095	213.477.095
2. Trả trước cho người bán	132	V.5	21.891.245.390	15.431.126.662
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.6	43.874.508.317	40.261.873.203
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.7	(178.977.095)	(178.977.095)
IV. Hàng tồn kho	140		760.088.507	589.142.586
1. Hàng tồn kho	141	V.8	760.088.507	589.142.586
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		17.049.585.883	16.081.384.321
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	185.462.389	44.235.927
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3.123.253.745	3.269.774.045
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.10	28.800.000	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.11	13.712.069.749	12.767.374.349

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á - THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 6 tòa nhà APEC, 14 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		296.791.835.081	295.056.740.703
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		243.607.080.573	242.560.563.561
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.12	1.125.236.554	1.277.465.809
<i>Nguyên giá</i>	222		1.941.980.650	2.055.655.878
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(816.744.096)	(778.190.069)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.13	3.972.222	4.888.889
<i>Nguyên giá</i>	228		63.888.000	75.888.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(59.915.778)	(70.999.111)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.14	242.477.871.797	241.278.208.863
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		48.543.856.000	49.005.740.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	6.726.400.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.15	5.433.096.000	915.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.16	45.931.900.000	45.931.900.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.17	(2.821.140.000)	(4.567.560.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		4.640.898.508	3.490.437.142
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.18	468.898.508	318.437.142
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.19	4.172.000.000	3.172.000.000
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		452.612.620.993	424.234.106.895

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á - THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 6 tòa nhà APEC, 14 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán hợp nhất niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ				
I. Nợ ngắn hạn	300		215.371.783.693	191.783.374.272
1. Vay và nợ ngắn hạn	310		204.411.868.304	181.841.900.271
2. Phải trả người bán	311		-	-
3. Người mua trả tiền trước	312	V.20	75.791.385.520	75.867.422.411
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		-	-
5. Phải trả người lao động	314	V.21	176.841.465	769.601.549
6. Chi phí phải trả	315		78.047.725	233.342.826
7. Phải trả nội bộ	316		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	318		-	-
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	319	V.22	128.197.990.394	104.794.030.285
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	320		-	-
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	323	V.23	167.603.200	177.503.200
II. Nợ dài hạn	330		10.959.915.389	9.941.474.001
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	V.24	10.959.915.389	9.941.474.001
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		237.240.837.300	232.450.732.623
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.25	237.240.837.300	232.450.732.623
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		264.000.000.000	264.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		48.496.600.000	48.496.600.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		1.268.874.614	1.268.874.614
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		24.751.612	24.751.612
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(76.549.388.926)	(81.339.493.603)
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
C - LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIẾU SỐ	439		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		452.612.620.993	424.234.106.895

3004
C
TRÁCH
KIỂM

1
TỔNG

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á - THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 6 tòa nhà APEC, 14 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỒI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Kế toán trưởng

Nguyễn Hoài Giang

Lập, ngày 29 tháng 8 năm 2013

Tổng Giám đốc



Nguyễn Duy Khanh

TCVN
NỘI

98
HINH
LỘN
NHI
TOÁI
A
AI
DA

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á - THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 6 tòa nhà APEC, 14 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

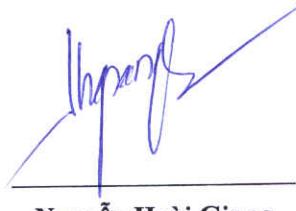
CHỈ TIÊU	Mã số Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này		
		Năm nay	Năm trước	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	-	-	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	-	-	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	-	-	
4. Giá vốn hàng bán	11	-	-	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	-	-	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21 VI.1	5.033.720.517	5.223.943.349	
7. Chi phí tài chính	22 VI.2	(1.672.566.700)	(494.830.200)	
Trong đó: chi phí lãi vay	23	-	2.500.000	
8. Chi phí bán hàng	24	-	-	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25 VI.3	2.111.378.118	2.814.749.559	
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	4.594.909.099	2.904.023.990	
11. Thu nhập khác	31 VI.4	14.064.030	478.187.528	
12. Chi phí khác	32	-	3.000.001	
13. Lợi nhuận khác	40	14.064.030	475.187.527	
14. Phản lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45	-	-	
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	4.608.973.129	3.379.211.517	
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	(181.131.548)	-	
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	-	-	
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	<u>4.790.104.677</u>	<u>3.379.211.517</u>	
18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61	-	-	
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62	4.790.104.677	3.379.211.517	
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70 VI.5	<u>181</u>	<u>128</u>	

Lập, ngày 29 tháng 8 năm 2013

Tổng Giám đốc



Kế toán trưởng


Nguyễn Hoài Giang

Nguyễn Duy Khanh

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á - THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 6 tòa nhà APEC, 14 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO LUU CHUYEN TIEN TE HOP NHAT GIUA NIEN DO

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		4.790.104.677	3.379.211.517
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		126.217.351	131.874.419
- Các khoản dự phòng	03		(1.672.566.700)	(497.330.200)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(5.020.272.683)	(2.587.217.868)
- Chi phí lãi vay	06		-	2.500.000
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(1.776.517.355)	429.037.868
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(11.038.211.686)	(4.598.316.842)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(170.945.921)	(177.331.209)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		24.125.532.351	36.850.409.629
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(264.759.257)	(39.920.702)
- Tiền lãi vay đã trả	13		-	(2.500.000)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(183.193)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	72.466.200
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(1.009.900.000)	(285.747.223)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		9.865.014.939	32.248.097.721
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(1.726.702.671)	(38.286.201.791)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	6.941.233.991
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(791.696.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		4.500.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.658.755.427	2.587.217.868
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		5.640.356.756	(28.757.749.932)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á - THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 6 tòa nhà APEC, 14 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>-</i>	<i>-</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		15.505.371.695	3.490.347.789
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	39.410.911.320	19.127.234.881
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	54.916.283.015	22.617.582.670

Kế toán trưởng
Nguyễn Hoài Giang

Lập, ngày 29 tháng 8 năm 2013
Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á - THÁI BÌNH DƯƠNG
Số 14, Lê Đại Hành, Phường Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

Nguyễn Duy Khanh



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 6 tòa nhà APEC, 14 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á - Thái Bình Dương 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á - Thái Bình Dương (công ty mẹ) và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

1.	Hình thức sở hữu vốn của công ty mẹ	:	Công ty cổ phần
2.	Lĩnh vực kinh doanh	:	Tư vấn, đầu tư
3.	Ngành nghề kinh doanh	:	Tư vấn môi giới kinh doanh bất động sản.
4.	Tổng số các công ty con	:	4
	<i>Trong đó:</i>		
	Số lượng các công ty con được hợp nhất:		4
	Số lượng các công ty con không được hợp nhất:		0
5.	Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất		
<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty TNHH MTV Châu Á Khu Thanh Sơn, phường Vũ Ninh, Thái Bình Dương Bắc Ninh	thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	100%	100%
Công ty Cổ phần Đầu tư APEC Khu Công nghiệp Diêm Thụy, Thái Nguyên	huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên	84%	84%
Công ty Cổ phần Đầu tư APEC 30 Lê Lợi, phường Phú Nhuận, Land Huế	thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế	55%	55%
Công ty Cổ phần Đầu tư APEC phường Quang Trung, thành phố Hà Nam	Tầng 3 nhà 205, đường Lê Hoàn, Phủ Lý, tỉnh Hà Nam	99%	99%
6.	Danh sách các công ty liên kết ngừng áp dụng hoặc không áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ		
<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Lý do</i>	
Công ty Cổ phần Khoáng sản Châu Á Thái Bình Dương	Tổ 14, phường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang	Công ty đang trong quá trình chuẩn bị đầu tư, chưa có báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu năm 2013	

7. Nhân viên

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 Tập đoàn có 37 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (cuối năm trước là 56 nhân viên).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 6 tòa nhà APEC, 14 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo hướng dẫn của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á - Thái Bình Dương (công ty mẹ) đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Tập đoàn sử dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á - Thái Bình Dương (công ty mẹ) và các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 6 tòa nhà APEC, 14 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chí phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

4. Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Tập đoàn có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết được bao gồm trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu chi phí đầu tư thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 6 tòa nhà APEC, 14 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

5. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp giá đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

7. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ. Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào đánh giá về khả năng thu hồi của từng khoản nợ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	4
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6
Thiết bị, dụng cụ quản lý	2 - 4

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 6 tòa nhà APEC, 14 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao là phần mềm máy vi tính. Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

10. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

11. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Tập đoàn là vốn đầu tư của chủ sở hữu và được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông công ty mẹ.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ của các công ty trong Tập đoàn.

12. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

13. Nguyên tắc ghi nhận thu nhập

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

14. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 6 tòa nhà APEC, 14 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- Tập đoàn có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu là tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được xác định theo giá hợp lý, các tài sản tài chính khác được ghi nhận theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

15. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tập đoàn sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 6 tòa nhà APEC, 14 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất niên độ (tiếp theo)

16. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

Số
-
-
-
-
-
-
-
-
-

HÀ NỘI
-
-
-
-
-
-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 6 tòa nhà APEC, 14 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	85.569.392	330.109.044
Tiền gửi ngân hàng	5.584.922.513	1.142.567.649
Các khoản tương đương tiền	49.245.791.110	37.938.234.627
Cộng	54.916.283.015	39.410.911.320

2. Đầu tư ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Chứng khoán niêm yết				
Công ty Cổ phần Chứng khoán Châu Á - Thái Bình Dương	93.350	2.987.200.000	93.350	2.987.200.000
Công ty Cổ phần Xây dựng số 2	103	1.030.000	103	1.030.000
Công ty Cổ phần Hà Nội Milk	80	1.472.000	80	1.472.000
Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng (*)	20.869	323.900.000	18.972	323.900.000
Chứng khoán chưa niêm yết				
Công ty Thương mại Dịch vụ và Xuất nhập khẩu Hải Phòng	100.000	1.130.000.000	100.000	1.130.000.000
Công ty Cổ phần Thép Đinh Vũ	94.500	4.533.025.000	94.500	4.533.025.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu FOODINCO	17.199	701.190.000	17.199	701.190.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải	41.325	413.250.000	41.325	413.250.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng	101	4.105.000	101	4.105.000
Công ty Cổ phần Len Hà Đông	28.455	999.950.000	28.455	999.950.000
Đầu tư ngắn hạn khác		9.015.500.000		9.015.500.000
Tiền ủy thác đầu tư		9.015.500.000		9.015.500.000
Cộng		20.110.622.000		20.110.622.000

(*) Cổ phiếu của Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng tăng do được phân chia, thực hiện quyền hợp đồng.

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Là dự phòng cho đầu tư chứng khoán ngắn hạn

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn như sau:

	Kỳ này
Số đầu năm	(2.742.193.900)
Trích lập dự phòng bổ sung	(73.853.300)
Hoàn nhập dự phòng	-
Số cuối kỳ	(2.816.047.200)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 6 tòa nhà APEC, 14 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

4. Phải thu khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Sông Đà 11	110.000.000	110.000.000
Đối tượng khác	103.477.095	103.477.095
Cộng	213.477.095	213.477.095

5. Trả trước cho người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ban bồi thường GPMB Thành phố Thái Nguyên	8.310.186.208	1.573.793.008
Công ty Cổ phần Kiến trúc Quốc tế	900.000.000	900.000.000
Công ty Cổ phần Quản lý dự án Sena	-	686.000.000
Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất	510.000.000	510.000.000
Công ty Cổ phần Kiến trúc và Xây dựng AST	153.000.000	153.000.000
Công ty Cổ phần Văn Phú - Invest	149.875.511	149.875.511
Ban giải phóng đền bù dự án Túc Duyên	3.811.470.737	3.811.470.737
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Havico	3.306.000.000	3.306.000.000
Công ty Cổ phần tư vấn thiết kế LAND	300.600.000	233.800.000
Trường mầm non xã Tân Thành - Phú Bình - Thái Nguyên	170.000.000	170.000.000
Ngân hàng TMCP Đại Dương	105.000.000	105.000.000
Ban Quản lý phát triển khu Đô thị mới	70.864.000	70.864.000
Các đối tượng khác	4.104.248.934	3.761.323.406
Cộng	21.891.245.390	15.431.126.662

6. Các khoản phải thu khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự thu lãi tiền gửi tiết kiệm	-	138.482.744
Phải thu các cá nhân ứng tiền phục vụ dự án, đầu tư	38.811.754.318	38.765.911.120
Công ty Cổ phần Chứng khoán Châu Á - Thái Bình Dương	678.500.000	678.500.000
Công ty Cổ phần Khoáng sản Châu Á Thái Bình Dương	386.000.000	386.000.000
Các khoản phải thu khác	3.998.253.999	292.979.339
Cộng	43.874.508.317	40.261.873.203

7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	(80.500.000)	(80.500.000)
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên	(98.477.095)	(98.477.095)
Cộng	(178.977.095)	(178.977.095)

8. Hàng tồn kho

Là chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 6 tòa nhà APEC, 14 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

9. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí thuê văn phòng	158.533.818	44.235.927
Công cụ dụng cụ	26.928.571	-
Cộng	185.462.389	44.235.927

10. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

Là khoản thuế TNDN tạm nộp tại Thái Nguyên về tiền bán căn hộ.

11. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tạm ứng	12.602.069.749	11.657.374.349
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.110.000.000	1.110.000.000
Cộng	13.712.069.749	12.767.374.349

12. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	12.000.000	1.537.360.605	506.295.273	2.055.655.878
Tăng trong kỳ	-	-	-	-
Giảm trong kỳ do không đủ điều kiện là TSCĐ	(12.000.000)	-	(101.675.228)	(113.675.228)
Số cuối kỳ	-	1.537.360.605	404.620.045	1.941.980.650

Giá trị hao mòn

Số đầu năm	6.638.095	610.622.445	160.929.529	778.190.069
Tăng do trích khấu hao trong kỳ	1.500.000	76.868.029	46.932.655	125.300.684
Giảm trong kỳ do không đủ điều kiện là TSCĐ	(8.138.095)	-	(78.608.562)	(86.746.657)
Số cuối kỳ	-	687.490.474	129.253.622	816.744.096

Giá trị còn lại

Số đầu năm	5.361.905	926.738.160	345.365.744	1.277.465.809
Số cuối kỳ	-	849.870.131	275.366.423	1.125.236.554

13. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy vi tính:

	Nguyên giá	Hao mòn luỹ kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	75.888.000	70.999.111	4.888.889
Tăng do trích khấu hao trong kỳ	-	916.667	
Giảm do không đủ điều kiện là TSCĐ	(12.000.000)	(12.000.000)	(916.667)
Số cuối kỳ	63.888.000	59.915.778	3.972.222

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 6 tòa nhà APEC, 14 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Là xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển giảm khác (*)	Số cuối kỳ
Khu công nghiệp Đa Hội	131.855.721.769	67.987.063	-	131.923.708.832
Trung tâm thương mại Thái Nguyên	37.602.121.398	90.218.182	500.000.000	37.192.339.580
Chung cư cao cấp Văn Phú	13.101.899.431	-	-	13.101.899.431
Dự án Quản lý Chợ Tam Đảo	5.346.271.091	-	-	5.346.271.091
Khu Công nghiệp Đèm Thụy	42.225.124.596	890.909.091	-	43.116.033.687
Dự án Trung tâm thương mại Bắc Ninh	4.642.676.471	-	18.403.374	4.624.273.097
Số 5 phường Túc Duyên	233.532.455	151.000.000	-	384.532.455
Dự án Quy Nhơn Bình Định	277.895.148	14.569.982	5.454.545	287.010.585
Thành Phố Công nghệ cao Hà Nam	1.116.806.976	12.000.000	-	1.128.806.976
Khu đô thị Số 5 Túc Duyên	2.365.488.671	319.527.600	-	2.685.016.271
Trạm nghiên cứu	1.454.715.681	-	-	1.454.715.681
Các dự án khác	1.055.955.176	180.490.753	3.181.818	1.233.264.111
Cộng	241.278.208.863	1.726.702.671	527.039.737	242.477.871.797

(*) Số điều chỉnh giảm khác là số điều chỉnh chi phí xây dựng cơ bản dở dang do đây là khoản ứng trước người bán.

15. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Tên công ty	Hoạt động chính	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
		Tỷ lệ phần sở hữu	Giá trị	Tỷ lệ phần sở hữu	Giá trị
Công ty Cổ phần Khoáng sản Châu Á Thái Bình Dương ^(a)	Khai thác khoáng sản	39,4%	4.518.096.000	-	-
Trường Đại học Tư thực Đông Nam Á ^(b)	Đào tạo trình độ đại học	23%	575.000.000	23%	575.000.000
Công ty TNHH Liên Băng ^(c)	Khai thác đá	50%	340.000.000	50%	340.000.000
Cộng			5.433.096.000		915.000.000

(a) Trong kỳ, Tập đoàn đã bán 300.000 cổ phiếu với giá bán là 15.000 VND. Theo đó, tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty phân loại từ khoản đầu tư vào công ty con sang khoản đầu tư vào công ty liên kết.

(b) Tập đoàn góp vốn vào Trường Đại học Tư thực Đông Nam Á với tỷ lệ phần sở hữu là 23%.

(c) Là khoản góp vốn liên doanh thành lập cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 47/2010/HĐHTKD ngày 10 tháng 10 năm 2010 giữa Công ty Cổ phần APEC Land Huế và Công ty TNHH Liên Băng. Giá trị vốn góp của mỗi bên là 2.580.00.000 VND. Tỷ lệ góp theo hợp đồng là 50%. Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát đang trong giai đoạn đầu tư, xây dựng.

16. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư vào cổ phiếu của các công ty				
Công ty Cổ phần Nam Dược	223.900	5.597.500.000	223.900	5.597.500.000
Công ty Cổ phần Bất động sản Hà Nội	602.970	40.334.400.000	602.970	40.334.400.000
Cộng		45.931.900.000		45.931.900.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 6 tòa nhà APEC, 14 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

17. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Là dự phòng đầu tư chứng khoán dài hạn. Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	(4.567.560.000)	(5.037.750.000)
Trích lập dự phòng bổ sung	-	-
Hoàn nhập dự phòng	1.746.420.000	179.120.000
Số cuối kỳ	(2.821.140.000)	(4.858.630.000)

18. Chi phí trả trước dài hạn

Là khoản chi phí trả trước hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư APEC Thái Nguyên

	Kỳ này
Số đầu năm	318.437.142
Phát sinh tăng	150.461.366
Kết chuyển giảm	-
Số cuối kỳ	468.898.508

19. Tài sản dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ký quỹ, ký cược dài hạn	4.172.000.000	3.172.000.000
Cộng	4.172.000.000	3.172.000.000

20. Phải trả cho người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ban Giải phóng mặt bằng thị xã Từ Sơn	51.941.525.595	51.941.525.595
Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Huyện Phú Bình	22.800.398.405	22.800.398.405
Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Bắc Ninh	878.917.440	878.917.440
Các đối tượng khác	170.544.080	246.580.971
Cộng	75.791.385.520	75.867.422.411

21. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số kết chuyển giảm khác (*)	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	165.319.662	-	-	165.319.662	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	239.230.177	(181.131.548)	183.193	-	57.915.436
Thuế thu nhập cá nhân	365.051.710	120.768.328	366.894.009	-	118.926.029
Các loại thuế khác	-	12.000.000	12.000.000	-	-
Cộng	769.601.549	(48.363.220)	379.077.202	165.319.662	176.841.465

(*) Là số bù trừ với thuế GTGT đầu vào được khấu trừ của năm trước.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 25%.

01
C
I
C
THÁ
47

315-
NHÀ
NG
HIỆM
AN VĨ
&
HÀ
A -

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 6 tòa nhà APEC, 14 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.608.973.129
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	5.010.000
- <i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	5.010.000
Chi mua vé máy bay không có cuồng vé	5.010.000
- <i>Các khoản điều chỉnh giảm (cố tức)</i>	-
Thu nhập chịu thuế	4.613.983.129
Lỗ các năm trước được chuyển (đến năm 2013)	(4.613.983.129)
Thu nhập tính thuế	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</i>	-
<i>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</i>	(181.131.548)
<i>Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</i>	(181.131.548)

22. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nhận tiền góp vốn vào KCN Đa Hội - Bắc Ninh và Trung tâm Thương mại Thái Nguyên	75.627.109.180	75.627.109.180
Nhận tiền đặt cọc từ Công ty Cổ phần Bất động sản An Phát Land	36.510.421.500	18.867.691.500
Nhận tiền đặt cọc bán căn hộ chung cư Khu đô thị Văn Phú	8.902.035.993	9.476.539.983
Nhận tiền đặt cọc bán căn hộ chung cư Túc Duyên	5.206.607.401	-
Bảo hiểm xã hội, BHYT, BHTN	129.561.108	44.486.578
Các khoản phải trả khác	1.822.255.212	778.203.044
Cộng	128.197.990.394	104.794.030.285

23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Là biến động của quỹ phúc lợi trong kỳ

	Kỳ này
Số đầu năm	177.503.200
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	-
Chi quỹ	(9.900.000)
Số cuối kỳ	167.603.200

24. Doanh thu chưa thực hiện

Tiền nhận trước của các hợp đồng bán căn hộ chung cư tại Khu đô thị Văn Phú.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á - THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 6 tòa nhà APEC, 14 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỐ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

25. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chia phần phối	Công
Số đầu năm trước	264.000.000.000	48.496.600.000	1.268.874.614	24.751.612	(61.235.904.860)	252.554.321.366
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	(20.103.588.743)	(20.103.588.743)
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	264.000.000.000	48.496.600.000	1.268.874.614	24.751.612	(81.339.493.603)	232.450.732.623
Số dư đầu năm nay	264.000.000.000	48.496.600.000	1.268.874.614	24.751.612	(81.339.493.603)	232.450.732.623
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	4.790.104.677	4.790.104.677
Số dư cuối kỳ	264.000.000.000	48.496.600.000	1.268.874.614	24.751.612	(76.549.388.926)	237.240.837.300

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Theo Điều lệ Công ty		Vốn điều lệ đã góp (VNĐ)
	VND	Tỷ lệ (%)	
Ông Nguyễn Đỗ Lăng	39.799.220.000	15,08%	39.799.220.000
Ông Nguyễn Duy Khanh	5.000.000.000	1,89%	5.000.000.000
Các cổ đông khác	219.200.780.000	83,03%	219.200.780.000
Công	264.000.000.000	100%	264.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 6 tòa nhà APEC, 14 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vốn góp của các cổ đông	264.000.000.000	264.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	48.496.600.000	48.496.600.000
Cộng	312.496.600.000	312.496.600.000

Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	26.400.000	26.400.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	26.400.000	26.400.000
- Cổ phiếu phổ thông	26.400.000	26.400.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	26.400.000	26.400.000
- Cổ phiếu phổ thông	26.400.000	26.400.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	1.115.575.244	1.675.620.368
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	13.447.834	16.072.321
Lãi đầu tư chứng khoán	2.404.697.439	2.620.653.160
Lãi thanh lý công ty con	1.500.000.000	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	911.597.500
Cộng	5.033.720.517	5.223.943.349

2. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	-	2.500.000
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	(1.672.566.700)	(497.330.200)
Cộng	(1.672.566.700)	(494.830.200)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 6 tòa nhà APEC, 14 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

3. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	1.340.874.154	1.850.553.602
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	34.028.636
Chi phí khấu hao tài sản cố định	92.499.015	49.208.667
Thuế, phí và lệ phí	6.151.302	9.301.200
Chi phí dịch vụ mua ngoài	131.379.313	639.842.095
Chi phí bằng tiền khác	540.474.334	231.815.359
Cộng	2.111.378.118	2.814.749.559

4. Thu nhập khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu từ cho thuê lại văn phòng	-	105.029.743
Thu tiền điện của đơn vị thuê văn phòng	-	32.473.411
Thu tiền nước của đơn vị thuê văn phòng	-	744.000
Thu nhập khác	14.064.030	339.940.374
Cộng	14.064.030	478.187.528

5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.790.104.677	3.379.211.517
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	4.790.104.677	3.379.211.517
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	26.400.000	26.400.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	181	128

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	26.400.000	26.400.000
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	26.400.000	26.400.000

300
TRÁC
KIỂM
DƠN

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 6 tòa nhà APEC, 14 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này		
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	841.150.000	861.624.986
Cộng	841.150.000	861.624.986

Bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Chứng khoán Châu Á – Thái Bình Dương	Công ty có cùng chủ tịch Hội đồng quản trị với Công ty mẹ

Trong kỳ Tập đoàn phát sinh nghiệp vụ với Công ty Cổ phần Chứng khoán Châu Á Thái Bình Dương (APS) như sau:

Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này		
	Năm nay	Năm trước
Tiền thuê văn phòng, điện nước phải trả trong kỳ APS trả lại tiền đặt cọc và tiền thuê nhà tháng 9	447.647.827	565.908.946
Bù trừ công nợ với khoản cho APS vay	-	47.653.526
Thanh toán thuê văn phòng, điện nước	457.131.379	26.640.570
Điều chỉnh giảm tiền thuê nhà theo phụ lục hợp đồng mới	-	112.820.275
Vay ngắn hạn	-	6.000.000.000
Trả vay ngắn hạn	-	6.000.000.000

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á Thái Bình Dương như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền điều chỉnh giảm tiền thuê nhà tháng 6	9.483.552	35.352.337
Ủy thác đầu tư	150.000.000	150.000.000
Khoản phải thu khác về lãi cho vay hợp đồng 001/2009	678.500.000	678.500.000
Công nợ phải thu	837.983.552	863.852.337

2. Thông tin về bộ phận

Lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động của Tập đoàn trong kỳ chỉ nằm trong một lĩnh vực kinh doanh là Đầu tư tài chính.

Khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Tập đoàn chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 6 tòa nhà APEC, 14 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

3. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Tập đoàn phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng và rủi ro thị trường. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Tổng Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tập đoàn.

Tập đoàn có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Nhân viên kế toán công nợ của Tập đoàn thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Các khoản phải thu khách hàng khó có khả năng thu hồi được trích lập dự phòng đầy đủ.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của các Công ty trong Tập đoàn được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.3 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Các Công ty trong Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Phải trả người bán	75.791.385.520	-	-	75.791.385.520
Các khoản phải trả khác	128.068.429.286	-	-	128.068.429.286
Cộng	203.859.814.806	-	-	203.859.814.806

Số đầu năm

Phải trả người bán	75.867.422.411	-	-	75.867.422.411
Các khoản phải trả khác	104.749.543.707	-	-	104.749.543.707
Cộng	180.616.966.118	-	-	180.616.966.118

102
ÔN
CỔ
ĐÀI
CHÂ
VIBIN

TRU

15
HÀ
G T
EMI
NVÀ
&
HÀ

A -

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 6 tòa nhà APEC, 14 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là trung bình. Tập đoàn có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Tập đoàn có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Tập đoàn là rủi ro về giá chứng khoán.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của giá chứng khoán sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Tập đoàn nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu giá các chứng khoán Tập đoàn đang đầu tư tăng/giảm 10% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu kỳ này của Công ty sẽ tăng/giảm 3.770.967.270 VND (năm trước tăng/giảm 3.769.487.610 VND).

Tài sản đảm bảo

Các Công ty trong tập đoàn không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á - THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 6 tòa nhà APEC, 14 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất ghi rõ niên độ (tiếp theo)

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

Giá trị ghi sổ

	Số cuối kỳ	Dự phòng	Số đầu năm	Dự phòng	Số cuối kỳ	Giá trị hợp lý
	Giá gốc		Giá gốc		Số đầu năm	
Tiền và các khoản tương đương tiền	54.916.283.015	-	39.410.911.320	-	54.916.283.015	39.410.911.320
Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	17.294.574.800	-	-	-	-	34.500.000
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	45.931.900.000	(2.821.140.000)	-	-	43.110.760.000	-
Phải thu khách hàng	213.477.095	(178.977.095)	213.477.095	(178.977.095)	-	34.500.000
Các khoản cho vay	-	-	-	-	-	-
Các khoản phải thu khác	49.156.508.317	-	2.467.479.339	-	49.156.508.317	2.467.479.339
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	-	-	66.042.522.000	(7.309.753.900)	-	58.732.768.100
Cộng	167.512.743.227	(3.000.117.095)	108.134.389.754	(7.488.730.995)	147.218.051.332	100.645.658.759

Nợ phải trả tài chính

Giá trị ghi sổ

	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Giá trị hợp lý
Phải trả người bán	75.791.385.520	75.867.422.411	75.867.422.411
Các khoản phải trả khác	128.068.429.286	104.749.543.708	128.068.429.286
Cộng	203.859.814.806	180.616.966.119	203.859.814.806

THỦ TỤC
HÀ NỘI
SỐ
100

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 6 tòa nhà APEC, 14 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tập đoàn sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết nhưng có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán thì giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố.

Tập đoàn chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết và không có giá giao dịch của 3 công ty chứng khoán công bố. Tuy nhiên, Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

5. Những thông tin khác

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ được lấy theo Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2012 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ được lấy theo Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C.

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2013

Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng



Nguyễn Hoài Giang



Nguyễn Duy Khanh

X.C.P
2013